SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP Hà Nội
Giờ ký: 05/11/2026 11:23:48

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2026/NQ-HĐND	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 404/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 187/BC-BPC ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với người nộp lệ phí, tổ chức thu lệ phí hộ tịch và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Người nộp lệ phí

1. Người nộp lệ phí là cá nhân, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết công việc về hộ tịch thuộc trường hợp phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Miễn thu lệ phí

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Điều 3. Tổ chức thu lệ phí

Tổ chức thu lệ phí hộ tịch là cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thu lệ phí hộ tịch theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí; thực hiện thu, nộp chứng từ và hạch toán theo quy định pháp luật.

Điều 4. Mức thu lệ phí

Mức thu lệ phí hộ tịch thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật; chỉ đạo công khai mức thu, trường hợp miễn thu, phương thức hạch toán; hướng dẫn việc thu, nộp và xử lý khoản sai quy định bảo đảm không thu trùng cho cùng một việc hộ tịch;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2026.

2. Mục 6 Phần A, Danh mục các khoản phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc, các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành Ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND TP; UBND TP;
- Các Sở, Ban, Ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục

MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 98 /2026/NQ-HĐND
Ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	**ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH KHÔNG CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**		
1	**Khai sinh**		
-	Đăng ký khai sinh không đúng hạn	Đồng/1 việc	5.000
-	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Đồng/1 việc	5.000
-	Đăng ký lại khai sinh	Đồng/1 việc	5.000
2	**Khai tử**		
-	Đăng ký khai tử không đúng hạn	Đồng/1 việc	5.000
-	Đăng ký lại khai tử	Đồng/1 việc	5.000
3	**Đăng ký lại kết hôn**	Đồng/1 việc	5.000
4	**Đăng ký nhận cha, mẹ, con**	Đồng/1 việc	10.000
5	**Thay đổi, cải chính hộ tịch**		
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước	Đồng/1 việc	5.000
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người đủ 14 tuổi cư trú trong nước	Đồng/1 việc	25.000
6	**Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước**	Đồng/1 việc	5.000
7	**Xác định lại dân tộc**	Đồng/1 việc	25.000
8	**Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân**	Đồng/1 bản	3.000
9	**Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác**	Đồng/1 việc	5.000
10	**Đăng ký hộ tịch khác**	Đồng/1 việc	5.000
II	**ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**		
1	**Khai sinh**		
-	Đăng ký khai sinh đúng hạn	Đồng/1 việc	25.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
-	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Đồng/1 việc	50.000
-	Đăng ký lại khai sinh	Đồng/1 việc	50.000
-	Đăng ký khai sinh không đúng hạn	Đồng/1 việc	50.000
2	**Khai tử**		
-	Đăng ký khai tử đúng hạn	Đồng/1 việc	25.000
-	Đăng ký lại khai tử	Đồng/1 việc	50.000
-	Đăng ký khai tử không đúng hạn	Đồng/1 việc	50.000
3	**Kết hôn**		
-	Đăng ký kết hôn	Đồng/1 việc	1.000.000
-	Đăng ký lại kết hôn	Đồng/1 việc	1.000.000
4	**Đăng ký, nhận cha, mẹ, con**	Đồng/1 việc	1.000.000
5	**Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch**	Đồng/1 việc	25.000
6	**Xác định lại dân tộc**	Đồng/1 việc	25.000
7	**Đăng ký giám hộ**		
-	Đăng ký giám hộ	Đồng/1 việc	50.000
-	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Đồng/1 việc	50.000
8	**Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài**	Đồng/1 việc	50.000
9	**Đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài khác**	Đồng/1 việc	50.000